

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hoàn;

Ông Nguyễn Văn Hiền;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 401/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1973; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Chị Lê Thị L, sinh năm: 1977; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 21/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Do quen biết anh và chị Lê Thị L tiến tới hôn nhân vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị L có 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 09/4/1995, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ghi ngày 04/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh Huỳnh Văn T về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Chị và anh Huỳnh Văn T có 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 09/4/1995, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn chị Lê Thị L cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L chung sống như vợ chồng vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L.

[4] Về con chung: Anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L có 01 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 09/4/1995, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Huỳnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn T và chị Lê Thị L.

2. Về án phí: Anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016403 ngày 04/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên xem thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Thúy**